

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ LINH VẬT VÀ LINH VẬT VIỆT

NGUYỄN VĂN TIẾN
NGUYỄN THỊ KIM THÌN

Tóm tắt

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, một số linh vật lạ xuất hiện ở nhiều di tích tôn giáo - tín ngưỡng trên cả nước. Nguyên nhân chủ yếu là do một số cán bộ quản lý di tích ở cơ sở chưa hiểu thấu đáo về linh vật Việt và ý nghĩa đúng của việc sử dụng linh vật. Trước thực trạng đó, với mong muốn bạn đọc có định nghĩa đúng về linh vật, trong bài viết này, tác giả sẽ làm rõ khái niệm về linh vật nói chung và linh vật Việt nói riêng; cũng như cách nhận diện và tiêu chí để phân loại linh vật Việt.

Từ khóa: Linh vật, tôn giáo, tín ngưỡng

Abstract

In the last 10 years, some strange mascots have appeared in many religious -beliefs relics throughout the country. The main reason is that some relic management officials at the site have not fully understood the Vietnamese mascots and true meaning of using those mascots. In this situation, with the expectation that readers have the right definition of mascot, in this article, the author will clarify the concept of mascots in general and Vietnamese mascots in particular as well as identification and criteria for the classification of Vietnamese mascots.

Keywords: Mascot, religion, belief

1. Đặt vấn đề

Trong khoảng vài năm trở lại đây, một số linh vật ngoại lai đã được cúng tiến vào các di tích ở nước ta, gây nhiều bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ra công văn số 2662/BVHTTDL-MTNATL ngày 08/08/2014 gửi các Ban, Bộ, ngành, các Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch các tỉnh/thành, các cơ quan, đơn vị về việc không sử dụng biểu tượng, sản phẩm, linh vật không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam tại các khu di tích,

đình, chùa, công sở cơ quan, đơn vị, nơi công cộng (7). Nhưng cho đến nay, khái niệm về linh vật vẫn còn được bàn luận rất sôi nổi, thậm chí trong từ điển bách khoa Việt Nam cũng chưa có từ “linh vật”. Vì vậy, ở bài này chúng tôi đã tập hợp nhiều định nghĩa của nhiều học giả đã bàn về linh vật và cũng thử đưa ra nhận xét của mình về linh vật và linh vật Việt.

2. Khái niệm linh vật

Trong thời gian gần đây, thuật ngữ linh vật được nhắc đến nhiều trên các phương tiện thông tin đại chúng. Đã có nhiều bài viết của

nhiều tác giả khác nhau bàn về linh vật, và như vậy cũng đã có nhiều tác giả nêu ra những khái niệm khác nhau về linh vật. Các định nghĩa này ít nhiều cũng đã nói lên bản chất của khái niệm “linh vật”.

Trong bài *Bàn về “linh vật” trong văn hóa Việt Nam* (18) thì: Trước tiên, “linh vật” là từ gốc Hán. Theo La Trúc Phong trong bộ *Hán ngữ đại từ điển* (12 quyển), ghi “linh vật” gồm có bốn nghĩa như sau:

Vật trở điểm lành: Sách *Hậu Hán thư* phần “Quang Vũ đế kỷ hạ” ghi: “Nay thiên hạ thanh bình, linh vật giáng điểm”. Hàn Dũ đời Đường trong bài *Vị Tế tướng hạ bạch quy trạng* (bài trang về việc Tế tướng dâng mừng mùa trắng) có câu: “Đó đều là do thánh đức của bệ hạ tưới tắm, mà linh vật đều đến tỏ điểm lành”.

Với ý nghĩa là các sản vật quý báu, thần kỳ, sách *Hậu Hán thư* phần “Nam Nam Tây Nam di truyện luận” ghi: “nếu là các linh vật ẩn chứa nơi núi non biển cả, châu báu chôn vùi dưới đất cát, thì chẳng có cái nào là không lộ rõ vẻ đẹp lạ kì, đều đểo gọt (các vật ấy) để trang sức phòng ốc, cung điện”. Nhà thơ Nguyên Chân đời Đường trong bài *Thổ ti* có câu: “linh vật vốn hiếm có, chẳng phải lúc nào cũng có”. Lỗ Ứng Long đời Tống trong *Nhàn song quát dị chí* chép: “rùa vích ba ba, là các linh vật trong chốn thủy tộc”.

Với nghĩa là thần linh, thần minh, Bạch Cư Dị đời Đường trong *Lưu Bạch xứng họa tập giải* ghi: “chốn chốn nơi nơi, nên có các linh vật phù hộ cho”. Phạm Trọng Yêm đời Tống trong *Đằng Tử Kinh dĩ chân lục tương thị nhân dĩ tặng chí* có câu: “nếu chẳng có linh vật hộ trì, thì sách này sao có thể hoàn thành được?”.

Mang nghĩa là các vật của người tu tiên đắc đạo: Vương Thao đời Thanh trong *Tùng tân tòa thoại* có câu: “Theo như tôi đoán, ấy ắt là linh vật ảo hóa, nếu chẳng phải quỷ thần thì cũng là hồ li”

Theo từ điển Larousse của Pháp thì: linh vật (mascotte) là vật, người hay con vật được coi như mang đến may mắn, được tôn sùng (“Objet, personne, animal choisis comme des porte-bonheur, des fétiches”) (22, tr.1085)

Theo *Từ điển Pháp - Việt* của Viện Ngôn ngữ học thì linh vật (Mascotte) là “Vật lành, người đem lại phước lành” (12).

Theo cách giải nghĩa tiếng Anh trong từ điển *Số hóa Anh - Anh* thì: linh vật (mascot) là một con vật hoặc vật được một nhóm người chấp nhận làm biểu tượng đại diện và mang lại may mắn (“an animal person or thing adopted by a group as its representative symbol and supposed to bring good luck”) (13).

Từ điển tiếng Anh Cambridge định nghĩa về linh vật là: người, con vật hoặc đồ vật được tin rằng mang đến may mắn hay thể hiện là đại diện cho một tổ chức (“a person, animal, or object that is believed to bring good luck, or one that represents an organization”) (21).

Theo *Từ điển giải thích tiếng Nga Ozhegov* thì: Linh vật là vật mang lại hạnh phúc, may mắn cho chủ nhân (“ТАЛИСМАН, -а, м. Предмет, приносящий его обладателю счастье, удачу”) (14).

Trong tiếng Bungarie: linh vật là người, con vật hoặc vật mang đến hạnh phúc (23).

Trong tiếng Việt, linh vật là từ chưa được định nghĩa trong *Từ điển tiếng Việt* (23) của Viện Ngôn ngữ học cũng như không có trong *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (tập 2) của Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa Việt Nam, năm 2002, tuy nhiên có nhiều tác giả đưa ra định nghĩa của mình.

Năm 1773, Pierre Pigneaux de Beshaine (Bá Đa Lộc Bì Nhu) trong *Tự vị An nam La tinh* ghi địa danh sớm nhất như sau: “linh vật vật lương dân coi là có phép thiêng” (19).

Năm 1896, Paulus Huỳnh Tịnh Của trong *Đại Nam Quốc Âm tự vị* đã đưa ra một định nghĩa khá chi tiết: “Linh vật: Vật có phép thần thông,

hoặc có trí hiểu biết nhiều việc lạ lùng. Người ta nói voi, cọp có trí hiểu biết, cho nên gọi là linh vật; kêu là bửu kiếm gương báu, gương linh cũng là vì dùng nó mà giết được nhiều người, ai có tội cũng không trốn nó được” (15)

Năm 1932, Đào Duy Anh trong *Giản yếu Hán Việt từ điển* ghi: “linh vật: cái vật thiêng liêng có thể chỉ điểm tốt xấu (objet sacre)” (1, tr.5106)

Năm 1937, Gustave Hue trong *Dictionnaire Vietnamien - Chinois - Français* ghi: “linh vật” objet sacre (9, tr.505).

Năm 1951, Đào Văn Tập trong *Từ điển Việt Nam phổ thông* ghi định nghĩa khá ngắn gọn: “linh vật: vật thiêng” (20, tr.360)

Năm 1958, Thanh Nghị trong *Việt Nam tân từ điển* đã tiếp thu/kết hợp định nghĩa của Đào Văn Tập và Gustave Hue và đã nêu: linh vật dt, Vật linh thiêng. Objet sacré (17, tr.747).

Trong cuốn *Tự điển Việt Nam* của Ban Tu thư ghi: “linh vật dt. 1. Vật linh thiêng. 2. Vật thuộc tâm linh” (5, tr.515).

Năm 1999, Bửu Kế trong cuốn *Từ điển Hán Việt từ nguyên* đã đưa ra định nghĩa khác khá thú vị như sau: “linh vật: linh: thiêng liêng, vật gọi chung các đồ vật hoặc loài vật. Linh vật tức là quỷ thần” (6; tr.1066).

Trần Trọng Dương sau khi diễn giải đã đưa ra định nghĩa về linh vật như sau: linh vật là tất cả các VẬT (được định hình bằng một loại VẬT CHẤT nhất định) được một chủ thể văn hóa nào đó quan niệm là có tính chất thiêng liêng, có tính tâm linh biểu tượng cho những quan niệm của họ về thế giới, về linh hồn, thể hiện những quan niệm giá trị về mặt tư tưởng, tín ngưỡng và văn hóa của họ (8).

Như vậy, Trần Trọng Dương đã cho rằng tính VẬT CHẤT của linh vật được thể hiện qua các hình thức tạo tác (yếu tố làm nên đặc trưng trong mỹ học). Tính vật chất này được coi là yếu tố then chốt để phân biệt linh vật với các loại biểu tượng phi vật chất (thường được thể hiện dưới các loại hình văn hóa/ nghệ thuật

khác như văn học, diễn xướng dân gian, nghi lễ, lễ hội, phong tục...). Ngoài tính VẬT CHẤT, Trần Trọng Dương còn nghĩ: về mặt tâm linh linh vật thường được thể hiện qua quan niệm của chủ thể văn hóa. Mỗi một linh vật thường được định hình bởi một không gian văn hóa sản sinh ra các linh vật - biểu tượng đó. Về mặt vật chất, một linh vật có thể có nhiều hình dạng/ phương thức khác nhau, và cũng có thể có nhiều ý nghĩa khác nhau ở trong cùng một môi cảnh văn hóa hoặc ở những môi cảnh khác nhau.

Cũng theo Trần Trọng Dương, linh vật còn được phân loại chi tiết hơn về mặt loại hình với bốn loại: linh khí, linh thú, linh tượng, linh cốt.

Một định nghĩa khác về linh vật của tác giả Nguyễn Hồng trong bài viết “*Tôn vinh linh vật Việt*” được đăng trên trang điện tử biên phòng như sau: Linh vật là những con vật huyền thoại hoặc có thật đã được linh hóa, do con người sáng tạo và sử dụng như những biểu tượng văn hóa để truyền đạt ý tưởng và niềm tin tâm linh, tôn giáo. Linh vật thường được mô tả trong thần thoại, truyền thuyết và được biểu đạt trong nghệ thuật tạo hình. Người xưa tin rằng, linh vật là hiện thân của các lực lượng tự nhiên hoặc mang những đặc tính huyền bí, năng lực siêu nhiên có thể bị chi phối nhân sinh, vũ trụ. (10)

Theo tác giả: linh vật trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam có nhiều loại khác nhau, do người Việt Nam sáng tạo nên hoặc qua giao lưu, tiếp biến từ các nền văn hóa bên ngoài, được sử dụng rộng rãi từ rất lâu đời, phản ánh sâu sắc đời sống tâm linh, văn hóa dân tộc. Mỗi linh vật trong quá trình hình thành, phát triển vừa thể hiện bản sắc riêng phù hợp với truyền thống văn hóa, vừa mang đặc điểm, phong cách nghệ thuật đặc trưng riêng của mỗi thời kỳ lịch sử.

Cùng góp phần bàn về linh vật, tác giả Nguyễn Mạnh Linh cho rằng: “Linh vật là một thuật ngữ dùng để chỉ cho bất cứ biểu tượng

chính thức nào, cho bất kỳ cá nhân nào, động vật và các đối tượng, chủ đề nào mà mang lại sự may mắn”, theo định nghĩa này, linh vật “biểu tượng may mắn”, nên có thể là động vật, hay cây cối, con người,...

Thực ra, bản chất của linh vật, dù ở Việt Nam hay quốc gia nào, đều có ý nghĩa “mang đến may mắn” và “trừ tai họa, nguy hiểm”. Linh vật này có thể là bất cứ một biểu tượng nào, chứ không chỉ thuần túy là con vật như sư tử, hay tỳ hưu. Do đó, dùng từ “linh khí” sẽ bao quát hơn từ linh vật và cũng tránh gây hiểu nhầm là con vật” (16)

Trần Lâm Biền trong cuốn *Trang trí mỹ thuật truyền thống của người Việt* định nghĩa: Linh vật còn được gọi là những con vật “vũ trụ”, người đời đã gán cho chúng những khả năng siêu phàm có thể chi phối đến cuộc sống nhân thế ở những mức độ khác nhau. Linh vật thường không mang hình tượng nhân cách nên trong một mặt nào quyền năng cũng bị hạn chế hơn, song ở đó đôi khi lại hội tụ những chức năng cụ thể nhằm tất cả vì con người, vì mối quan hệ nhân sinh, vũ trụ (3).

Nhóm tác giả trong cuốn *Mỹ thuật Huế* cho rằng: Nói tới vật linh, có nghĩa là nói tới những con vật được sinh ra từ tư duy liên tưởng hữu thức của con người, nó là sản phẩm của tín ngưỡng dân dã và được hình thành dần theo lịch sử, thực có khi hư phối hợp... Trong tư duy chúng ta thì rõ ràng chúng có thực, với sự tích và nguồn gốc hẳn hoi, chúng là một dạng thần ít nhiều chi phối cuộc sống con người. Trong tạo hình, chúng được sùng tín và mặt nào vì hạnh phúc của con người... chúng là dạng thần linh thì ít nhiều có thân ứng hiện (theo quan niệm xưa) nên mỗi thời, chúng có một dạng vẻ khác nhau (4).

Qua những định nghĩa khác nhau về linh vật đã dẫn, có thể nghĩ rằng, từ “linh vật” trong tiếng Hán có bốn nghĩa, nhưng chỉ có nghĩa ba và nghĩa bốn là được dùng trong tiếng Việt. Lưu tích của nghĩa ba hiện còn thấy trong một

số từ Hán Việt như: thần linh, linh từ, linh vị tới thuật ngữ linh tòa, linh hồn, linh sơn, linh đơn.

Trong ngôn ngữ của một số nước Âu - Mỹ, linh vật thường dùng để chỉ ba đối tượng là người, con vật và vật mang đến điềm lành. Thế nhưng khi dùng ở Việt Nam, có thể với đặc điểm ngôn ngữ tiếng Việt thì từ Linh Vật tự thân nó đã không chứa đựng khái niệm con người, cho nên hình dung về linh vật chỉ còn là con vật và vật mang đến may mắn, xua đi điều bất hạnh mà thôi.

3. Linh vật Việt: khái niệm, nhận diện, tiêu chí phân loại

3.1. Khái niệm

Như đã phân tích, linh vật trong phạm vi rộng có thể hiểu là người, vật hoặc con vật mà theo ngôn ngữ tiếng Việt thường được hiểu là vật và con vật mang đến sự may mắn, xua đi tai họa hoặc có thể dùng để biểu tượng mang đến sự may mắn cho một sự kiện hoặc nhóm người. Như vậy, linh vật Việt, theo chúng tôi là những vật và con vật được cộng đồng người Việt Nam tin là mang đến may mắn, xua trừ tai họa.

Trong phạm vi của bài viết, linh vật Việt là các con vật trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam, do người Việt Nam sáng tạo nên hoặc qua giao lưu, tiếp biến từ các nền văn hóa bên ngoài, phản ánh sâu sắc đời sống tâm linh, văn hóa dân tộc với ý nghĩa mang đến may mắn, xua trừ hiểm họa.

3.2. Nhận diện linh vật Việt

Có rất nhiều con thú (hiểu theo nghĩa rộng là cả chim và thú) xuất hiện trong các di tích tôn giáo-tín ngưỡng trên địa bàn thành phố Hà Nội nhưng không phải tất cả chúng đều là linh vật Việt. Căn cứ theo định nghĩa linh vật, các con thú xuất hiện trong các di tích tôn giáo - tín ngưỡng được coi là linh vật khi và chỉ khi chúng chứa đựng niềm tin tâm linh của người Việt là mang đến may mắn, xua đi tai họa cho di tích và cho sự yên ổn an bình cho những người đến với di tích.

Vì vậy, để nhận diện linh vật Việt, chúng tôi cho rằng cần căn cứ theo những tiêu chí sau:

- Thứ nhất: Đó phải là những tạo hình (tượng) của những con vật mà theo quan niệm của người Việt là con vật linh.

Theo Đinh Hồng Hải, các con vật linh thường gắn với các huyền thoại, truyền thuyết và liên quan đến tôn giáo và tín ngưỡng gắn với đời sống văn hóa tinh thần của con người như rồng, hạc, nghê,.... Các con vật linh này có thể đã tồn tại trong văn hóa Việt Nam từ thời Đông Sơn (như bò/bò tót) hoặc được du nhập vào Việt Nam sau này như tỳ hưu nhưng đã được Việt hóa và trở thành những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam (11).

Mặc dù hệ thống các con vật linh trong văn hóa truyền thống Việt Nam vô cùng phong phú, chưa có thống kê chính thức, tuy nhiên với tiêu chí này cũng có thể xác định được ngay một số linh vật không phải là linh vật Việt. Ví dụ, con chuột túi là linh vật đặc trưng của Úc, hay con gà Gô loa được coi là linh vật biểu tượng của Pháp, con bướm linh vật của Đan Mạch nhưng chúng không phải là linh vật Việt.

- Thứ hai: Tượng con vật đó phải được tạo tác theo phong cách, dáng vẻ được hình thành trong tâm thức của người Việt, phù hợp với thuần phong mỹ tục và bản sắc văn hóa Việt Nam. Ví dụ, nhìn một tượng sư tử chúng ta phải nhận thấy được con sư tử trong tâm linh người Việt, chứ không phải gợi cho chúng ta đến một sư tử dữ tợn của một đất nước khác. Cũng vì vậy, rồng được coi là con vật linh của nhiều dân tộc, nhiều đất nước, tuy nhiên do lối sống mỗi nước có những hình tượng con rồng khác nhau, thế nên cũng là rồng nhưng chỉ những con rồng có phong cách tạo tác kiểu Việt Nam mới đích thực là con rồng Việt.

Qua điều tra khảo sát thực tế, chúng tôi thấy số linh vật Việt hiện có ở các di tích chủ yếu là

các con rồng, nghê, lân, voi, chó và một số con vật khác. Linh vật ngoại lai hiện có trong các di tích tôn giáo - tín ngưỡng trong thời gian gần đây thì chủ yếu là sư tử. Chúng tôi cũng tập trung vào nhận diện 2 loại linh vật mà chúng xuất hiện rất nhiều và chiếm số lượng lớn linh vật Việt ở các di tích tôn giáo- tín ngưỡng trên địa bàn Thành phố Hà Nội là rồng và nghê.

- Thứ ba: Tượng những con vật đó phải được bài trí ở những vị trí để thực hiện được chức năng tâm linh mà người Việt mong đợi và phải được bài trí theo kiểu thức đã hình thành trong tâm thức người Việt. Cho nên rồng thành bậc của Việt Nam là rồng bò từ cao xuống thấp còn nếu lại bò lên thì đã mang một ý thức khác. Hoặc cũng là chó nhưng nếu tượng đặt trong khuôn viên lăng với ý nghĩa trông nom bảo vệ khu lăng mộ thì những tượng đó được coi là linh vật, còn khi là con chó gốm bình thường trong vườn hay trên hè thường cũng chỉ mang tính chất trang trí thuần túy mà thôi.

Chính vì vậy, vị trí bài trí là một tiêu chí giúp xác định tượng chim thú đó có được coi là linh vật hay không. Cùng là tượng con thú đó kiểu dáng đó nhưng nếu không được đặt ở những vị trí mà con vật đó được sử dụng theo như niềm tin của con người đối với con vật đó thì cũng không coi đó là linh vật mà chỉ có ý nghĩa đồ vật bình thường để sử dụng hoặc thuần túy trang trí. Đành rằng có thể nói linh vật ngoài giá trị tâm linh thông thường còn có thể có giá trị trang trí, tuy nhiên đối với những con vật huyền thoại, hư cấu như rồng, nghê, lân, sấu là những con vật tự thân ngay từ khi xuất hiện đã được coi là con vật linh thì các tượng của chúng cũng được coi trọng khi sử dụng và thường được bài trí ở những vị trí trang trọng với mục đích tạo sự uy nghi, bảo vệ, canh gác, cầu an lành may mắn. Chính vì vậy mà hầu hết các con rồng đều được bài trí trang trọng và coi là linh vật. Đối với những con vật có thật thì trong tâm thức của con người không phải lúc nào nó cũng là con vật linh. Do đó mà theo

chúng tôi, tượng của chúng chỉ có thể coi là linh vật khi được bài trí ở những vị trí thể hiện được công năng sử dụng theo niềm tin tâm linh của con người. Ví dụ con voi, dễ dàng nhận biết là linh vật khi chúng được đặt ở vị trí phù hợp với chức năng tâm linh của chúng như đôi voi trước cửa đền Voi Phục ở công viên Thủ Lệ được đặt trong tư thế quay đầu vào nhau, làm chức năng bảo vệ ngôi đền, kiểm soát những người qua lại trong di tích. Nhưng nếu con voi đó được đặt vào một vị trí trong khuôn viên khác bình thường hơn, chỉ dùng để đặt chậu hoa cây cảnh trong vườn thì chỉ là con voi cảnh hay một cái đôn sứ vật dụng bình thường. Tương tự, một đôi rồng được đặt ở vị trí thành bậc cửa ra vào của di tích, ở vào vị trí này đôi rồng được coi là linh vật bảo vệ di tích, kiểm soát người ra vào di tích, tạo uy nghi, mang lại phần thịnh cho di tích. Nhưng nếu cũng với con rồng này lại được đặt ở vào vị trí trên bờ tường thì những con rồng đó chỉ mang tính chất là rồng trang trí, yếu tố linh bí giảm đi.

Hay như con gà, con chó, con trâu (cũng thuộc 12 con giáp), con vịt, con dê chỉ nên coi là những con vật bình thường và tượng của chúng thường làm bằng gốm, bằng nhựa được đặt trong góc sân góc vườn, gốc cây nên coi là vật trang trí thêm cho cảnh quan. Tuy nhiên cũng cần xem xét ngăn chặn vì gần đây có xu hướng xuất hiện nhiều tượng kiểu này trong di tích.

Như vậy theo chúng tôi, để xác định một tượng con vật có phải là linh vật Việt hay không nên xem xét kết hợp theo cả 3 tiêu chí nêu trên.

Căn cứ vào những tiêu chí nhận diện này có thể phân biệt được linh vật Việt và linh vật không phải Việt (linh vật ngoại lai).

3.3. Tiêu chí phân loại

Như định nghĩa linh vật ở trên thì linh vật Việt là những con vật có thật và không có thật

được cộng đồng linh thiêng hóa với ý nghĩa mang đến may mắn, bảo vệ, trừ tà và do người Việt Nam sáng tạo nên hoặc qua giao lưu tiếp biến từ các nền văn hóa bên ngoài, được sử dụng từ rất lâu, phản ánh sâu sắc đời sống tâm linh, văn hóa dân tộc.

Để thuận tiện trong việc phân loại linh vật Việt, chúng tôi cho rằng có thể dựa trên tiêu chí về tên gọi, nghệ thuật tạo tác và các tiêu chí khác để phân loại linh vật.

a. Phân loại theo tên gọi

Tên gọi linh vật được hình thành trong đời sống cộng đồng, đã được sử dụng từ xa xưa và là tiêu chí để phân loại linh vật được chúng tôi sử dụng xuyên suốt. Theo tiêu chí này mỗi một loại linh vật có tên gọi riêng của nó. Trên thực tế tên gọi rồng hay nghê, lân, hổ, voi, chó, sư tử là những loại tên gọi đã có từ xa xưa trong lịch sử. Khi gọi tên các loại linh vật này, ta có thể nhận diện ngay nó là loại động vật nào trong cuộc sống đời thường của con người.

Linh vật thuộc rất nhiều loài vật nhưng tựu trung lại gồm hai dạng: Một là những con vật có thực trong đó có loài vật sinh sống ở Việt Nam như voi, chó, rắn, hổ, hươu, trâu, ngựa...; có con vật chỉ sinh sống ở các vùng đất khác mà không có trong tự nhiên ở Việt Nam như sư tử. Hai là những con vật không có thực mà hình thành do hư cấu theo trí tưởng tượng của con người như rồng, lân, nghê, sấu, tỳ hưu...

b. Phân loại theo nghệ thuật tạo tác

Các con vật được tạo tác/ thể hiện qua hình dáng, kích cỡ, tư thế và đôi khi cả vị trí hay bộ đồ kèm theo linh vật. Ngoài việc nhận diện để phân loại chủ yếu qua hình dáng thì tư thế của con vật được tạo tác: đứng, ngồi, quỳ, nằm, phủ phục... cũng giúp xác định rõ thêm về ý nghĩa, giá trị biểu tượng của linh vật và làm cho việc phân loại linh vật được chuẩn xác hơn.

- Đối với những linh vật là những con vật có thật:

(i) Linh vật là những con vật có thực trong đời sống tự nhiên ở Việt Nam, được nhận biết qua hình dáng tạo tác giống với con vật ngoài đời thực. Tuy nhiên về kích thước so với con vật thực ngoài đời thì linh vật trong nghệ thuật tạo hình có thể lớn hơn nguyên mẫu (thường là đối với những con vật ngoài đời thực có kích thước nhỏ: cóc, rùa, chuột, ...), bằng nguyên mẫu (voi, ngựa, chó, hổ) hoặc nhỏ hơn con vật thực (voi, chó, ngựa, hổ, trâu...).

(ii) Linh vật là con vật có thực nhưng không sinh sống trong tự nhiên ở Việt Nam thường được tạo tác trong sự hình dung từ ý niệm của nhà tạo tác hòa quyện với những ảnh hưởng từ sự du nhập bên ngoài. Điều này có thể thấy đặc biệt rõ nét qua những tạo tác về sư tử và cũng từ đây nảy sinh vấn đề về sử dụng linh vật ngoại lai trong các di tích tại Việt Nam.

(iii) Đối với những linh vật không có thực mà hình thành do hư cấu theo trí tưởng tượng của con người thường được tạo tác khá linh hoạt. Tuy nhiên thực tế vẫn hình thành những đặc điểm chung trong tạo hình cho mỗi loại linh vật.

c. Phân loại theo vị trí bài trí trong di tích

Vị trí bài trí trong di tích là một tiêu chí quan trọng trong việc xác định chức năng của linh vật trong di tích. Ở vào những vị trí quan trọng như: trước hoặc sau cửa/ cổng ra vào di tích. Đây là không gian tâm linh giữa tín ngưỡng và đời trần tục. Chỉ cần một bước chân là bên trong hay bên ngoài, ta đã có thể cảm nhận thấy sự khác biệt giữa cuộc sống đời thường và cuộc sống tâm linh- tôn giáo. Linh vật được bài trí ở vị trí này trong tư thế canh cổng như để kiểm soát kẻ hành hương, có một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng. Dùng linh vật đặt ở vị trí này, người ta cho rằng thường là để ngăn chặn những điều xấu có thể xảy ra đối với di tích như tà ma, quỷ dữ, những điều không may mắn và đối với cả những người có ý định không tốt khi đến với tôn giáo- tín ngưỡng.

Như vậy ví dụ với con nghê có vai trò trông nhà, hầu chủ thì vị trí của nó đã được xác định là “ngôi châu” ở những vị trí để trông nhà hầu chủ, hay ngược lại “nghê châu” chính là khi đang thực hiện chức năng chính của nó mà con người gửi gắm vào.

d. Phân loại linh vật theo chức năng sử dụng

Chức năng sử dụng của linh vật trong di tích cũng là một trong những tiêu chí để phân loại linh vật. Ở tiêu chí này có liên quan đến vị trí bài trí của linh vật trong di tích. Đôi khi chúng ta cũng thấy nghê ngồi trên mái, trên bệ uy nghi như sư tử nhưng tạo hình lại cho thấy rõ đó là con nghê. Trong trường hợp này, để xác định đó là con nghê hay con sư tử khi chúng “ngồi nhầm vị trí” ta cần xem xét đến chức năng của các linh vật này (11).

Con sư tử trong văn hóa Ấn Độ đại diện cho sức mạnh của tự nhiên, có mặt trong các huyền thoại. Khi Phật giáo truyền bá sang Trung Hoa, biểu tượng này trở thành một biểu tượng sức mạnh trong Phật giáo Trung Hoa bên cạnh vai trò là một con vật bảo vệ (guardian). Sự uy nghi và đầy vẻ “nạt nộ” này là một nét đặc trưng của sư tử Trung Hoa để thể hiện sức mạnh của nó. Trong khi đó, biểu tượng nghê hầu như chỉ mang chức năng trang trí và hoàn toàn không có “hình thức dữ dằn, gân guốc với dáng vẻ đe dọa”. Những con nghê chầu vào nhau không có vẻ quyền uy, dọa nạt mà tạo nên vẻ thân thiện, gần gũi, đúng như chức năng “trông nhà” và “hầu chủ” của chó. Do đó nếu một con có dáng nghê ngồi trên mái hay bệ uy nghi như sư tử với dáng vẻ uy nghi đặt trên trụ hoặc trên mái nhưng với chức năng “trông nhà, hầu chủ” thì đó không phải là sư tử mà là nghê.

Những linh vật được đặt ở vào vị trí quan trọng trong di tích thì rõ ràng công năng của những linh vật này khác hẳn so với những vị trí khác. Ví dụ như đôi rồng thành bậc bước lên điện Kính Thiên thuộc thành cổ Hà Nội (số 19 phố Hoàng Diệu, Hà Nội). Đôi rồng này rõ ràng

có chức năng kiểm soát, đón chào và bảo vệ điện Kính Thiên, kiểm soát các quan chức triều Lê trước khi bước lên sân điện yết cáo vua Lê. Ở phía đằng sau sân chầu cũng có đôi rồng thành bậc nhưng nhỏ hơn. Chức năng của đôi rồng này là tiễn các vị khách sau khi đã yết cáo vua Lê và cũng có chức năng bảo vệ điện Kính Thiên nữa.

e. Phân loại linh vật theo thời kỳ lịch sử

Thời kỳ lịch sử là một tiêu chí quan trọng trong việc áp dụng phân loại linh vật trong đề tài này. Như chúng ta đã biết linh vật Việt ở các di tích tôn giáo - tín ngưỡng trên địa bàn thành phố Hà Nội chủ yếu được hình thành từ thời kỳ độc lập tự chủ của dân tộc mà cơ bản là thời kỳ Lý - Trần - Lê - Nguyễn. Thời kỳ lịch sử hình thành các linh vật còn mang trên mình những dấu ấn của một giai đoạn trong việc tạo tác hình dáng bên ngoài của linh vật. Ví dụ, cùng là linh vật rồng nhưng nghệ thuật tạo tác của rồng thời Lý thường có dáng hình sin, mềm mại, uốn khúc cong tròn nhỏ dần đều, trong khi rồng thời Trần lại có thân hình mập mạp, uốn khúc nhỏ dần... Dựa vào tiêu chí này, chúng ta có thể nhận dạng linh vật có trong các di tích tôn giáo - tín ngưỡng thuộc giai đoạn nào của lịch sử và do đó những linh vật ấy cũng công trên lưng những giá trị lịch sử, giá trị mỹ thuật của thời kỳ ấy. Đây cũng là tiêu chí quan trọng trong việc áp dụng để phân loại và xác định niên đại linh vật cụ thể ở các di tích.

Thực tế là những linh vật có giá trị cao về niên đại và nghệ thuật tạo tác đã được ghi hoặc chụp ảnh trong hồ sơ xếp hạng di tích như rồng đá thành bậc thời Trần ở chùa Đậu (Thường Tín), chùa Trần Đăng (Ứng Hòa), rồng thành bậc thời Nguyễn ở đình So (Quốc Oai) hay nghệ thời Lê trung Hưng ở chùa Cao Xá (Hoài Đức), nghệ niên đại 1733 tại Lăng đá Quận Vân, chó đá thời Lê ở đình Hà Hồi (Thường Tín)...

g. Phân loại linh vật theo phong cách, xuất xứ địa lý

Tạo tác theo phong cách, xuất xứ địa lý của linh vật mẫu hoặc của nơi chế tác sản xuất thường bắt gặp ở những linh vật được tạo nên từ trí tưởng tượng của con người Việt Nam như nghệ, sư tử. Ở ta hay thấy nói sư tử theo phong cách châu Âu, sư tử theo mẫu Trung Hoa, mẫu Khmer... Còn đối với nghệ có thể phân biệt rõ nghệ được chế tác theo mẫu nghệ cổ đô Huế, nghệ là sản phẩm sản xuất hay chế tác của làng nghệ đúc đồng Ngũ Xã hay gốm Bát Tràng.

4. Kết luận

Qua các định nghĩa khác nhau về linh vật đã trình bày, theo ngôn từ tiếng Việt và theo chúng tôi thì linh vật chỉ còn biểu đạt là vật và con vật. Do đó, linh vật Việt là những vật và con vật được cộng đồng người Việt Nam tin là mang đến may mắn, xua trừ hiểm họa. Với nội dung của bài viết này thì linh vật Việt trong các di tích được xếp hạng là di tích cấp quốc gia trên địa bàn thành phố Hà Nội là các con vật trong nghệ thuật tạo hình Việt Nam do người Việt Nam sáng tạo nên hoặc qua giao lưu, tiếp biến từ các nền văn hóa bên ngoài, phản ánh sâu sắc đời sống tâm linh, văn hóa dân tộc với ý nghĩa mang đến may mắn, xua trừ hiểm họa. Những linh vật lạ và phong cách lạ không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam như những con sư tử đá kiểu Trung Hoa thì phải kiên quyết không tiếp nhận để bài trí trong các di tích tôn giáo- tín ngưỡng, hoặc giả đã chót tiếp nhận rồi thì phải tìm cách để loại bỏ chúng ra khỏi khuôn viên các di tích theo tinh thần của công văn số 2662 ngày 08/ 08/ 2014 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

N.V.T

(PGS,TS. Giảng viên khoa Di sản Văn hóa)

N.T.K.T

(ThS., Giảng viên khoa Văn hóa Du lịch)

Tài liệu tham khảo

1. Đào Duy Anh (1932), *Giản yếu Hán Việt từ điển* 簡要漢越辭典, (Hãn Mạn Tử, Giao Tiểu hiệu đính). Imprimerie TIENG DAN. HUE - Dong Ba. Hué.

2. AJ. L. Taberd (1838), *Dictionarium Anamitico-Latinum* (南越洋合字彙 - Nam Việt Dương hiệp tự vị), Frederrichnagori Vulgo Serampore.

3. Trần Lâm Biền (2000), *Trang trí mỹ thuật truyền thống của người Việt*, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

4. Nguyễn Tiến Cảnh (Chủ biên, 1992), *Mỹ thuật Huế*, Viện Mỹ thuật, Trung tâm bảo tồn di tích Huế, Nxb. Mỹ thuật.

5. Ban Tu thư Khai trí (1971), *Tự điển Việt Nam*, Nxb. Khai trí.

6. Bửu Kế (1999), *Từ điển Hán Việt từ nguyên*, Nxb.Thuận Hóa, Huế.

7. Công văn 2662/BVHTTDL-MTNATL 2014 V/v không sử dụng biểu tượng, sản phẩm, linh vật không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam.

8. Trần Trọng Dương (2015), *Bàn về “linh vật” trong văn hóa Việt Nam*, <http://tiasang.com.vn/van-hoa/ban-ve-linh-vat-trong-van-hoa-viet-nam-8499>

9. Gustave Hue, *Tự điển Việt- Hoa- Pháp* (*Dictionnaire Vietnamien- Chinois - Français*) (1937), Imprimerie Trung Hòa. Repr.1971 Librarie Khai - Trí, 62 Lê- Lợi, Saigon. (in theo ấn bản Imprimerie Trung Hoà).

10. Nguyễn Hồng (2015), *Tôn vinh linh vật Việt*, 04/11/2015, <http://www.bienphong.com.vn/ton-vinh-linh-vat-viet-nam>

11. Đinh Hồng Hải (2016), *Những biểu tượng đặc trưng trong văn hóa truyền thống Việt Nam, Tập 3, Các con vật linh*, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

12. http://tratu.soha.vn/index.php?search=Masot&dict=en_en&btnSearch=&huyennganh=&tenchuyennganh=

13. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/mascot>.

14. <http://rechnik.info/mascot>: n талисман, муска, амулет; човек (животно, предмет), който носи щастие.

15. <http://www.vietnamtudien.org/dnqatv/pic/bd1/b1s568.png>

16. Nguyễn Mạnh Linh (2015), *Văn hóa dùng linh vật của người Việt*, <http://khoahocphongthuy.vn/van-hoa-dung-linh-vat-cua-nguoi-viet>

17. Thanh Nghị (1958), *Việt Nam Tân từ điển*, Thời thế, Sài Gòn.

18. Petit Dictionnaire Français (1999), Larousse, Paris.

19. Pierre Pegneaux de Béhaine (Bá Đa Lộc Bì Nhu), 1772- 1773. Dictionarium Anamitico Latinum. Chữ Nôm chép theo bản viết tay, thủ bút của Bì Nhu. Ki hiệu VV.02291 (Viện NC Hán Nôm). P.323. (tb1999), Tự vị An nam La tinh(Dictionarium Anamitico Latinum 1772-1773), Hồng Nhuệ Nguyễn Khắc Xuyên dịch và giới thiệu, Nxb.Trẻ.

20. Đào Văn Tập (1951), *Từ điển Việt Nam phổ thông*, Nhà sách Vĩnh Bảo, Sài Gòn.

21. Талисман, Словарь Ожегова, толковый словарь русского языка, <http://www.ozhegov.org/>

22. Viện Ngôn ngữ học, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia (2000), *Từ điển Pháp - Việt*, Nxb TP. Hồ Chí Minh, tr. 1085.

23. Viện Ngôn ngữ học (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.

Ngày nhận bài: 12 - 3 - 2018

Ngày phản biện, đánh giá: 16 - 3 - 2018

Ngày chấp nhận đăng: 25 - 3 - 2018